

## Bài 19: Tục Lệ Cưới Hỏi

**Quy định:** *rule, regulation*

**Cơ Bản:** *fundamental*

**Phù hợp:** *appropriate, accordable*

**Thời đại:** *era, age*

**Diễn tiến:** *progression*

**Trào lưu:** *trend, fads*

Cưới hỏi hay hôn lễ là một lễ trọng có quy định chặt chẽ của dân tộc Việt từ trước tới nay không có gì thay đổi trên nền tảng cơ bản, chỉ có một số lễ tục thay đổi để phù hợp với thời đại.

Hôn lễ là quy cách diễn tiến các tiết mục tổ chức cùng nghi thức khăn vái trong việc dựng vợ gả chồng theo truyền thống

từ xưa của tổ tiên. Ngày nay vấn đề cha mẹ định đoạt chuyện lưá đôi không còn nữa. Trai gái tự do quen biết nhau, tìm hiểu nhau thân thiết trước, nhưng khi quyết tâm tính chuyện ăn đời ở kiếp xây dựng mái ấm gia đình thì nhất thiết phải có sự lạc thành hôn lễ, tức là phải có lễ hỏi, lễ cưới, có lễ vật, được đông đủ cha mẹ thân thuộc tham dự chứng tri, đẹp mặt nở mày người sống, có lễ bái gia tiên rạng rỡ vong linh tổ tiên họ tộc, đúng nền nếp lễ giáo gia phong, bảo tồn mỹ tục của xã hội, đất nước, nêu gương tốt cho hậu thế. Ca dao từng nhắn nhủ:

*Dẫu yêu nhau thắm thiết đậm đà  
Nếu chưa hôn lễ, chưa nên vợ chồng.*



*Ngựa anh đi trước, vồng nàng theo sau*

Lễ cưới nếu theo đúng quy thức được chia ra như sau:

1. **Lễ Vu Quy** – Lễ Vu Quy được tổ chức tại nhà họ gái như sau:

- **Lễ nhập gia** – Họ nhà trai đến, báo cho họ nhà gái biết để xin vào.
- **Lễ trình sính phẩm** – Gồm đôi đèn, cặp rượu, trà, mâm trầu cau và các quả bánh, trái cây.
- **Lễ bái gia tiên** – Nghi thức của lễ gia tiên là người điều hành lễ đứng ra quay mặt vào bàn thờ, chú rể đứng bên phải và cô dâu đứng bên trái người điều hành lễ. Thân tộc họ đảng gái đứng bên phải cạnh bàn thờ. Thân tộc họ đảng trai đứng bên trái cạnh bàn thờ (nam tả nữ hữu tính từ hướng trong bàn thờ nhìn ra).
- **Lễ khai lộc** – Lễ khai lộc là nghi thức mở mâm trầu.
- **Lễ trình sính nghi** – Mẹ chồng hay đại diện đeo cho cô dâu nữ trang như bông tai, dây chuyền và vòng xuyên trong lễ này.
- **Lễ yết kiến nhạc phụ mẫu** – Chú rể ra mắt cha mẹ vợ và họ hàng thân thuộc bên nhà vợ. Sau nghi thức này cô dâu chú rể được phép gọi cha mẹ nhau.
- **Lễ thân nghinh (Lễ rước dâu)** – Xin rước dâu và cung thỉnh quý tộc họ nhà gái đưa dâu và mời dự tiệc tại nhà trai.

2. **Lễ Thành Hôn** – Lễ thành hôn tổ chức tại họ nhà trai như sau:

- **Lễ trình sính phẩm** – Lễ vật của nhà gái dâng cúng thường đôi đèn tống hôn và hai quả bánh.
- **Lễ bái gia tiên** – Nghi thức của lễ này giống như trong lễ Vu Quy.
- **Lễ yết kiến công cô** – Trong lễ này cô dâu ra mắt cha mẹ chồng, bái yết cha mẹ chồng và họ hàng thân thuộc bên nhà chồng.
- **Lễ phu thê giao bái** – Vợ chồng giao bái hiệp cẩn.
- **Lễ từ quy** – Nhà gái xin cáo từ ra về.
- **Lễ tiễn đưa** – Họ nhà trai tiễn đưa nhà gái ra về.

## ***Trả Lời Câu Hỏi***

(Cho các em trả lời những câu hỏi sau.)

1. Lễ Vu Quy được tổ chức ở đâu?

---

---

---

2. Trong lễ bái gia tiên, thân tộc họ đàn trai đứng ở đâu?

---

---

---

3. Mẹ chồng hay đại diện họ nhà trai đeo nữ trang cho cô dâu trong lễ nào?

---

---

---

4. Lễ rước dâu còn được gọi là gì?

---

---

---

5. Người ta làm gì trong lễ yết kiến công cô?

---

---

---



▲ Lễ Nhập Gia



Lễ Trình Sinh Phẩm ▲



▲ Lễ Bái Gia Tiên



Lễ Khai Lộc ▲



◀ Sinh Phẩm





▲ Lễ Trình Sính Nghi



Lễ Yết Kiên Nhạc Phụ Mẫu ▲



▲ Lễ Thân Nghinh



Phu Thê Giao Bái ►

## ***Ngữ Vựng***

(Giúp các em chọn và khoanh tròn các định nghĩa thích hợp với những từ sau.)

1. Cưới hỏi hay hôn lễ là một lễ trọng có **quy định** chặt chẽ của dân tộc Việt từ trước tới nay... Từ “**quy định**” có nghĩa là:
  - *Nền nếp phải theo.*
  - *Việc cần ghi nhớ.*
  - *Việc không cần làm.*
  
2. ...chỉ có một số lễ tục thay đổi để **phù hợp** với thời đại. Từ “**phù hợp**” có nghĩa là:
  - *Đúng với sự yêu cầu.*
  - *Khác với sự yêu cầu.*
  - *Ngược lại.*
  
3. Hôn Lễ là quy cách **diễn tiến** các tiết mục tổ chức... Từ “**diễn tiến**” có nghĩa là:
  - *Sắp đặt.*
  - *Trình diễn trên sân khấu.*
  - *Xảy ra theo thứ tự.*
  
4. ...bảo tồn **mỹ tục** của xã hội, đất nước, nêu gương tốt cho hậu thế. Từ “**mỹ tục**” có nghĩa là:
  - *Những thói quen.*
  - *Phong tục của một dân tộc.*
  - *Phong tục tốt đẹp.*
  
5. ...nam **tả** nữ hữu tính từ hướng trong bàn thờ nhìn ra. Từ “**tả**” có nghĩa là:
  - *Bên phải.*
  - *Bên trái.*
  - *Ở giữa.*
  
6. ...nam tả nữ **hữu** tính từ hướng trong bàn thờ nhìn ra. Từ “**hữu**” có nghĩa là:
  - *Bên phải.*
  - *Bên trái.*
  - *Ở giữa.*

***Thêm Dầu***

(Đọc cho các em thêm dầu.)

*Cuoi hoi hay hon le la mot le trong co quy dinh chat che cua dan toc Viet tu truoc toi nay.*

---

*Hon le la quy cach dien tien cac tiet muc to chuc cung nghi thuc khan vai trong viec dung vo ga chong theo truyen thong tu xua cua to tien.*

---

*Me chong hay dai dien deo cho co dau nu trang nhu bong tai, day chuyen va vong xuyen trong le nay.*

### ***Chính Tả***

(Đọc cho các em viết chính tả. Sau đó, cho các em đọc lại từng câu.)

---

---

---

---

---

### ***Sửa Lỗi Chính Tả***

(Đọc cho các em sửa lỗi chính tả. Cho các em khoanh tròn những chữ sai lỗi chính tả. Sau đó, cho các em viết lại nguyên câu.)

*Chú rể ra mắt tra mẹ vợ và họ hàng thân thuộc bên nhà vợ. (3 lỗi)*

---

---

---

---

---

*Trong lễ này cô dâu ra mắt cha mẹ chồng, báỉ yết cha mẹ chồng và họ hàng thân thuộc bên nhà trờng. (3 lỗi)*

---

---

---

---

---



## ***Tục Ngữ***

*Tục*: thói quen lâu đời trong dân chúng.

*Ngữ*: lời nói.

Tục ngữ là những câu nói được nhiều người dùng, truyền từ đời này sang đời khác. Tục ngữ còn có thể phân biệt thành hai loại:

1. **Ngạn ngữ**: Lời nói do người xưa truyền lại (*ngạn*: lời người xưa). Ngạn ngữ hay tục ngữ khi có mục đích thuần túy giáo dục thì gọi là *cách ngôn* (lời nói dùng làm khuôn thước).
2. **Phương ngôn**: Tục ngữ của từng miền.

Thí dụ:

*Quảng Nam hay cãi,  
Quảng Ngãi hay co,  
Bình Định hay lo,  
Thừa Thiên ních hết.*

## **HÌNH THỨC**

Tục ngữ thường theo những hình thức dưới đây:

- **Có vần nối liền giữa câu (vần liền)**:  
Ăn cây nào, rào cây nấy.
- **Có vần cách chữ trong câu (vần cách)**:  
Không *thấy* đó *mày* làm nên.
- **Có yêu vận giữa hai câu**:  
Không ai giàu ba *họ*, có ai *khó* ba đời?
- **Không vần**:  
Ăn quả nhớ kẻ trồng cây.
- **Có đối**:  
Bán anh em xa, mua láng giềng gần.

## NỘI DUNG

Tục ngữ thường có tính cách giáo dục. Đó là những lời mà ông bà cha mẹ khuyên răn con cháu hay là những kinh nghiệm khôn ngoan của những bậc tiền bối lưu truyền lại cho kẻ hậu sinh. Vì vậy, tục ngữ bao hàm nhiều vấn đề.

- **Về luân thường đạo lý:**

*Đói cho sạch, rách cho thơm.*

*Ăn cây nào, rào cây nấy.*

*Anh em như thể tay chân.*

*Uống nước nhớ nguồn.*

- **Về phép xử thế:**

*Ăn trông nồi, ngồi trông hướng.*

*Biết thì thưa thốt, không biết thì dựa cột mà nghe.*

*Nhất có râu, nhì bầu bụng.*

- **Về kinh nghiệm trường đời:**

*Có chồng như gông đeo cổ.*

*Có tiền mua tiên cũng được.*

*Khôn ba năm, dại một giờ.*

- **Về tâm lý người đời:**

*Thương thì trái ấu cũng tròn, ghét thì bồ hòn cũng méo.*

*Gần sợ dạ, lạ sợ áo quần.*

*Gần chùa kêu bụt bằng anh.*

- **Về phong tục tập quán:**

*Phép vua thua lệ làng.*

*Lễ quanh năm không bằng rằm tháng giêng.*

*Trai năm thê bảy thiếp, gái chính chuyên một chồng.*

▪ **Về thời tiết và mùa màng:**

*Mỡ gà thì gió, mỡ chó thì mưa.*

*Con đặng đông, vừa trông vừa chạy, con đặng nam, vừa làm vừa chơi.*

*Trời nắng tốt dưa, trời mưa tốt lúa.*

▪ **Về những nhận định thông thường:**

*Khéo ăn thì no, khéo co thì ấm.*

*Gái mười bảy bẻ gãy sừng trâu.*

*Nhất quỷ, nhì ma, thứ ba học trò.*

### ***Thành Ngữ***

Thành ngữ là những lời nói được nhiều người quen dùng. Thành ngữ khác với tục ngữ vì thành ngữ thường được lồng trong một câu và tự nó chưa được đầy đủ ý nghĩa. Thành ngữ thường được dùng để chỉ tính chất đặc biệt của một người hay một sự việc.

Thí dụ:

*nhanh như chớp.*

*chậm như rùa.*

*trơ mắt ếch.*

*anh hùng rơm.*

*mới mở cửa mắt (= rất lù đù, khù khờ).*

## ***Bài Tập – Tục Ngữ/Thành Ngữ***

1. Em hãy cho biết hình thức của các câu tục ngữ sau đây:

*a. Nhà sạch thì mát, bát sạch ngon cơm.*

---

---

---

*b. Học thầy không tày học bạn.*

---

---

---

2. Em hãy cho biết ý nghĩa của các câu tục ngữ sau đây:

*a. Một giọt máu đào hơn ao nước lã.*

---

---

---

*b. Tiên học lễ, hậu học văn.*

---

---

---

*c. Gân mực thì đen, gân đèn thì sáng.*

---

---

---